

**BÁO CÁO**

**Công khai tình hình thực hiện dự toán  
ngân sách nhà nước Quý I năm 2022**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai số liệu (*chi tiết tại các Biểu số 59/CK-NSNN, 60/CK-NSNN, 61/CK-NSNN đính kèm*) và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh Đắk Nông 03 tháng đầu năm 2022, cụ thể như sau:

**I. Thu Ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn thực hiện 03 tháng đầu năm 2022 là 1.048 tỷ đồng, đạt 41% dự toán Trung ương, 35% dự toán địa phương, tăng 37% so với thực hiện cùng kỳ năm trước (*Chi tiết như Biểu số 60/CK-NSNN*), bao gồm:

1. Thu nội địa 996 tỷ đồng, đạt 41% dự toán Trung ương, 35% dự toán địa phương, tăng 43% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

a) Đa số các khoản thu, sắc thuế đều vượt tiến độ, cụ thể như sau:

- Thu từ doanh nghiệp nhà nước 129 tỷ đồng, đạt 32% dự toán Trung ương, 31% dự toán địa phương, giảm 6% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó, phần tăng thu chủ yếu tập trung từ các công ty thủy điện như Buôn Kuốp, TCT phát điện 1, Đồng Nai 3, 4, 5,...

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 33 tỷ đồng, đạt 50% dự toán Trung ương, 40% dự toán địa phương. Trong đó, thuế đầu tư xây dựng cơ bản vãng lai của Công ty TNHH Risen Việt Nam khoảng 15 tỷ đồng (chiếm gần 50% tổng nguồn thu của cả khu vực này); nguồn thu từ nhóm doanh nghiệp truyền thống như Công ty Greenfarm Asia, Công ty TNHH Olam Việt Nam có xu hướng giảm do đã kê khai và tạm nộp một phần thuế Quý VI năm 2021 trong năm 2021.

- Lệ phí trước bạ 74 tỷ đồng, đạt 49% dự toán, tăng 93% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân số thu quý I năm nay tăng cao là do lượng ô tô

mua sắm tăng mạnh trong các tháng đầu năm (chiếm khoảng 65% tổng số thu lệ phí trước bạ Quý I năm 2022).

- Thuế thu nhập cá nhân 124 tỷ đồng, đạt 71% dự toán Trung ương, 68% dự toán địa phương, tăng 90% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Số thu tăng cao là do hoạt động chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế bất động sản trong các tháng đầu năm tăng mạnh (chiếm khoảng 70% tổng số thu thuế thu nhập cá nhân Quý I năm 2022).

- Tiền sử dụng đất 332 tỷ đồng, đạt 87% dự toán Trung ương, 51% dự toán địa phương và tăng 215% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động mua bán, san nhượng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất tăng mạnh trong các tháng đầu năm 2022. Trong đó, số thu cấp tỉnh khoảng 48 tỷ đồng, đạt 18% dự toán, tăng 496% so với thực hiện cùng kỳ năm trước do phần lớn người được giao đất tại các dự án tái định cư năm 2021 tiến hành nộp tiền sử dụng đất trong những tháng đầu năm 2022.

b) Một số khoản thu có tăng nhưng không có nhiều đột biến so với cùng kỳ năm trước như: Thuế bảo vệ môi trường 56 tỷ đồng, đạt 34% dự toán; Phí và lệ phí 53 tỷ đồng, đạt 29% dự toán.

c) Một số khoản thu chưa đạt tiến độ theo dự toán đề ra, gồm:

- Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh 165 tỷ đồng, đạt 26% dự toán giao và giảm 10% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Một số doanh nghiệp trọng điểm ở khu vực này có số nộp NSNN thấp hơn so với cùng kỳ năm trước như Công ty Đại Hải, thủy điện Tam Long, Công ty cổ phần điện lực 3, công ty TNHH N&S, Công ty TNHH MTV TV&XD Tây Nguyên, Công ty TNHH XD Thành Công, Công ty BOT&BT Đức Long, ...

- Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước 4 tỷ đồng, đạt 14% dự toán Trung ương, 4% dự toán địa phương và giảm 4% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân đạt thấp là do đến hết 31/5 mới hết kỳ hạn nộp tiền thuê đất đợt 1 năm 2022; bên cạnh đó, các dự án cho thuê đất thương mại dịch vụ vừa có kết quả tổ chức đấu giá nên chưa phát sinh số thu.

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 3 tỷ đồng, đạt 3% dự toán, giảm 67% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do đến hết 31/5 mới hết kỳ hạn nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 6 tháng đầu năm 2022.

- Thu xổ số kiến thiết 6 tỷ đồng, đạt 23% dự toán, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước.

2. Thu xuất nhập khẩu thực hiện 49 tỷ đồng, đạt 30% dự toán, giảm 22% so với thực hiện cùng kỳ năm trước. Trong đó, phần lớn nguồn thu từ xuất khẩu Alumin; nguồn thu từ hoạt động nhập khẩu thiết bị điện gió giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

3. Thu huy động đóng góp là 3 tỷ đồng.

\* Nhìn chung, tình hình thu NSNN trên địa bàn 03 tháng đầu năm 2022 cơ bản thuận lợi, đa số các khoản thu, sắc thuế lớn đều đạt và vượt tiến độ theo dự

toán được giao. Số liệu thống kê cụ thể theo từng khoản thu như sau: Các khoản thu từ Thuế khoảng 566 tỷ đồng, chiếm 54% tổng thu NSNN trên địa bàn; các khoản thu từ phí, lệ phí khoảng 127 tỷ đồng, chiếm 12% tổng thu NSNN trên địa bàn; các khoản thu khác ngoài thuế, phí, lệ phí khoảng 355 tỷ đồng, chiếm 34% tổng thu NSNN trên địa bàn, trong đó: Tiền sử dụng đất 332 tỷ đồng.

## II. Chi ngân sách địa phương (NSDP):

Tổng chi ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2022 là 2.150 tỷ đồng, nếu loại trừ số giải ngân từ nguồn năm trước chuyển sang thì chi NSDP sẽ là 1.726 tỷ đồng, đạt 22% dự toán.

1. Chi đầu tư phát triển 1.126 tỷ đồng, nếu loại trừ số giải ngân từ nguồn năm trước chuyển sang thì chi đầu tư phát triển 03 tháng đầu năm ước đạt 14% dự toán. Tuy tình hình thực hiện vốn đầu tư Quý I năm 2022 có tăng 14% so với cùng kỳ năm trước nhưng tỷ lệ giải ngân của các dự án mở mới vẫn còn thấp. Nguyên nhân, phần lớn các dự án mở mới trong năm 2022, do các chủ đầu tư đang tổ chức lựa chọn nhà thầu trong những tháng đầu năm nên chưa có hồ sơ làm cơ sở giải ngân kế hoạch vốn.

2. Chi thường xuyên 1.024 tỷ đồng, đạt 21% dự toán, tăng 4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề 415 tỷ đồng, đạt 20% dự toán; chi sự nghiệp khoa học, công nghệ 9 tỷ đồng, đạt 57% dự toán.

\* Nhìn chung, công tác quản lý chi NSDP 03 tháng đầu năm 2022 cơ bản được kiểm soát chặt chẽ, đáp ứng kịp thời cho các nhiệm vụ an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội của địa phương, đặc biệt là công tác phòng, chống và hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên một số nhiệm vụ đặc thù còn triển khai chậm.

Trên đây là nội dung công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 03 tháng đầu năm 2022 của tỉnh Đắk Nông./r

### Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Cơ quan Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TT).

03

### CHỦ TỊCH



Hồ Văn Mười

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số **273** /BC-UBND ngày **26**/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện 03 tháng	Cùng kỳ năm trước	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2		3	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>2.837.000</b>	<b>2.532.120</b>	<b>2.853.067</b>	<b>89</b>	<b>89</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSDP</b>	<b>2.837.000</b>	<b>996.245</b>	<b>655.714</b>	<b>35</b>	<b>152</b>
1	Thu nội địa	2.837.000	996.245	652.809	35	153
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
<b>II</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>	<b>-</b>	<b>2.533</b>	<b>2.905</b>		<b>87</b>
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>-</b>	<b>336.013</b>	<b>355.225</b>		<b>95</b>
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>0</b>	<b>-</b>		
<b>V</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>		<b>1.351</b>	<b>99</b>		<b>1.365</b>
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>		<b>1.195.979</b>	<b>1.839.124</b>		<b>65</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.833.116</b>	<b>2.150.329</b>	<b>1.931.337</b>	<b>27</b>	<b>111</b>
1	Chi đầu tư phát triển	2.757.017	1.126.082	945.149	41	119
2	Chi thường xuyên	4.841.223	1.024.247	986.188	21	104
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.150			-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	-	-	-	
5	Dự phòng ngân sách	129.226	-		-	
6	Chi tạo nguồn CCTL	101.500			-	
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>					
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>					



**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số **233**/BC-UBND ngày **26**/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2022 TW giao	Dự toán 2022 ĐP giao	Thực hiện 03 tháng	Cùng kỳ năm trước	So sánh thực hiện với (%)		
						Dự toán TW	Dự toán ĐP	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3		4	5	6
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.583.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>1.047.678</b>	<b>764.269</b>	<b>41</b>	<b>35</b>	<b>137</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>2.420.000</b>	<b>2.837.000</b>	<b>996.245</b>	<b>698.993</b>	<b>41</b>	<b>35</b>	<b>143</b>
1	Thu từ khu vực DNNN TW quản lý	414.000	436.000	122.780	116.799	30	28	105
2	Thu từ khu vực DNNN ĐP quản lý	19.000	19.000	6.718	7.606	35	35	88
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	65.000	82.000	32.748	42.765	50	40	77
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	628.000	643.000	165.126	182.759	26	26	90
5	Thuế thu nhập cá nhân	174.000	183.200	123.966	65.317	71	68	190
6	Thuế bảo vệ môi trường	165.000	165.000	55.746	43.533	34	34	128
7	Lệ phí trước bạ	152.000	154.000	73.831	38.304	49	48	193
8	Các loại phí, lệ phí	185.000	185.000	52.825	49.961	29	29	106
9	Các khoản thu về nhà, đất	410.000	759.800	335.972	109.882	82	44	306
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				-			
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300	300	106	104	35	35	102
-	Thu tiền sử dụng đất	380.000	650.000	331.566	105.319	87	51	315
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	29.700	109.500	4.300	4.459	14	4	96
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu NN		-		-			
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	90.000	90.000	2.649	7.938	3	3	33
11	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước			215	-			
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	28.000	28.000	6.430	7.409	23	23	87
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				-			
14	Thu khác ngân sách	90.000	92.000	17.238	26.720	19	19	65
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>	-	-	-	-			
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>163.000</b>	<b>163.000</b>	<b>48.901</b>	<b>62.371</b>	<b>30</b>	<b>30</b>	<b>78</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	143.200	143.200	3.614	45.665	3	3	8
2	Thuế xuất khẩu	19.400	19.400	44.813	16.161	231	231	277
3	Thuế nhập khẩu	400	400	474	545	119	119	87
4	Thuế tiêu tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu							
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu							
6	Thu khác							
<b>IV</b>	<b>Thu viện trợ</b>							
<b>V</b>	<b>Thu huy động đóng góp</b>			<b>2.533</b>	<b>2.905</b>			<b>87</b>
<b>B</b>	<b>THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>2.285.300</b>	<b>2.636.910</b>	<b>952.337</b>	<b>652.809</b>	<b>42</b>	<b>36</b>	<b>146</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	999.800	1.029.000	375.548	332.226	38	36	113
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.285.500	1.607.910	576.789	320.583	45	36	180



**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022**  
(Kèm theo Báo cáo số **273** /BC-UBND ngày **26** /5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2022	Thực hiện 03 tháng	Cùng kỳ năm trước	So sánh thực hiện với (%)	
					Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2		3	4
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.833.116</b>	<b>2.150.329</b>	<b>1.931.337</b>	<b>27</b>	<b>111</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>2.757.017</b>	<b>1.126.082</b>	<b>945.149</b>	<b>41</b>	<b>119</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.166.230	1.125.842	936.149	97	120
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			5.000		-
3	Chi đầu tư phát triển khác		241	4.000		6
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.841.223</b>	<b>1.024.247</b>	<b>986.188</b>	<b>21</b>	<b>104</b>
	Trong đó:					
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.035.037	414.935	407.558	20	102
2	Chi khoa học và công nghệ	16.628	9.475	6.451	57	147
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		132.390	125.230		106
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		13.336	14.876		90
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		8.570	6.056		142
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		1.801	1.793		100
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		1.883	1.790		105
8	Chi sự nghiệp kinh tế		76.634	94.104		81
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		229.910	214.770		107
10	Chi bảo đảm xã hội		86.701	46.138		188
<b>III</b>	<b>Chi trả lãi các khoản vay</b>	<b>3.150</b>			-	
<b>IV</b>	<b>Chi tạo nguồn thực hiện CCTL</b>	<b>101.500</b>			-	
<b>V</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>			-	
<b>VI</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>129.226</b>			-	

2

